

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ Y TẾ

Số: 0338 /QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 19 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố, công khai bổ sung dự toán chi NSNN năm 2025
của Văn phòng Sở Y tế

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 0206/QĐ-SYT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Sở Y tế Tây Ninh về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai giao bổ sung dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 của Văn phòng Sở Y tế

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng có liên quan thuộc Sở tổ chức thực hiện Quyết định này. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- BGĐ Sở;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, PTKT.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Hồng Sơn

Mã chương: 423

Đơn vị: Văn phòng Sở Y tế

Mã ĐVQHNS: 1031070

Mã cấp NS: 2



BỘ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 0338 /QĐ-SYT ngày 19 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ	
1	Tổng số thu phí, lệ phí	
	Phí trong lĩnh vực y tế	
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	
	Phí trong lĩnh vực y tế	
3	Số phí, lệ phí thu nộp NSNN	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	5.223.874.439
A	Chi cân đối ngân sách địa phương (MDP 200)	5.223.874.439
I	Quản lý hành chính (Loại 340-341)	1.622.868.439
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ - Nguồn 13	1.517.708.839
	- Quỹ lương (10 biên chế)	1.340.907.750
	- Chi thường xuyên	176.801.089
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Nguồn 18	105.159.600
	Thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	105.159.600
II	Chi hoạt động sự nghiệp	3.601.006.000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Nguồn 12	3.601.006.000
	Loại 370-372	837.800.000
	Công tác chăm sóc trẻ em và bảo vệ trẻ em	837.800.000
	Loại 370-398	2.763.206.000
	Cứu tế thường xuyên, đột xuất	554.706.000
	Mai táng phí theo QĐ số 52/2017/QĐ-UBND	475.000.000
	Kinh phí giải quyết người lang tang trên địa bàn	25.000.000
	Kế hoạch trợ giúp người dân di cư tự do từ CPC về VN	200.000.000
	Thực hiện chương trình phòng chống mại dâm	700.500.000
	Thực hiện chương trình phòng chống mua bán người	288.000.000
	Thực hiện chương trình phát triển công tác xã hội theo nhiệm vụ được giao theo QĐ số 712/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	130.000.000
	Thực hiện chương trình trợ giúp người khuyết tật theo TT số 03/2022/TT-BTC	130.000.000
	Thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo NĐ số 20/2021/NĐ-CP	130.000.000
	Kinh phí thực hiện công tác người cao tuổi	130.000.000
B	Chi các CTMTQG, CTMT, nhiệm vụ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	
1	Chi quản lý hành chính	
	Thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	
2	Chi sự nghiệp kinh tế	
	Thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn giao thông (Tuyên truyền ATGT)	

RL